

BÁO CÁO

**Đánh giá, giám sát về lao động, tiền lương theo
Thông tư 15/2015/TT-BLĐTBXH**

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, được hướng dẫn bởi Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; ..

Căn cứ Thông tư số 15/2015/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát việc thực hiện chế độ tuyển dụng, sử dụng lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chế độ khác đối với người lao động và viên chức quản lý trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ;

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh báo cáo về đánh giá, giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động năm 2022 như sau:

I. Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2022:

Đặc điểm sản xuất, kinh doanh năm 2022:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh có trụ sở chính tại 110A5/4 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh. Điện thoại: 08.37603.194; Email công ty: dvcibinhchanh.bc@gmail.com.

Công ty Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh hoạt động theo Quyết định số 5578/QĐ-UB-KT ngày 23/9/1999 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2010 được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh theo Quyết định số 2772/QĐ – UBND ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc điểm chính của đơn vị:

Tổ chức bộ máy: gồm Hội đồng thành viên (Chủ tịch và hai thành viên Hội đồng thành viên); Ban Giám đốc 03 (01 Giám đốc phụ trách chung; 02 Phó Giám đốc); Kế toán trưởng; Kiểm soát viên; Ban Quản lý vận hành khu tái định cư 30 ha Vĩnh Lộc B; 04 phòng chuyên môn (phòng Tổ chức - Hành chính; phòng Tài vụ; Phòng Kế hoạch; phòng Kỹ thuật - Quản lý nhà) và 07 đội tác nghiệp dịch vụ sản xuất (Đội Vệ sinh, Đội Cây xanh, Đội Vận Chuyển rác, Đội Thu gom, Đội Xây dựng số 1, Đội Xây dựng số 2, Đội Cường chế).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế kết cấu công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Quản lý dự án xây dựng đầu tư xây dựng công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng đô thị; Tư vấn đấu thầu; Chuẩn bị mặt bằng: San lấp mặt bằng, Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng và quản lý hạ tầng khu y tế kỹ thuật cao do ngân sách thành phố đầu tư tại huyện Bình Chánh, Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật liệu xây dựng chuyên ngành; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích: Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, vỉa hè, chiếu sáng công cộng và công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Quản lý cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước theo phân cấp quản lý; Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ: Quản lý nghĩa trang, mai táng; Thu gom rác thải không không độc hại: Thu gom rác, xử lý vệ sinh công cộng và hệ thống thoát nước, cấp nước theo phân cấp quản lý; Hoạt động bảo tồn, bảo tàng: Quản lý khu di tích lịch sử; Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề: Quản lý công viên – cây xanh; Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ giữ xe); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

II. Nội dung báo cáo giám sát

1. Tình hình sử dụng lao động năm 2022 và kế hoạch lao động năm 2023

Công ty thực hiện kế hoạch lao động năm 2022, 2023 theo hướng dẫn của Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Thời gian thực hiện báo cáo vào cuối tháng 3 của năm sau:

- Năm 2022: số lao động bình quân để tính quỹ lương kế hoạch của người lao động là 286 lao động; số lao động bình quân để tính quỹ lương thực hiện là 274 lao động;
- Năm 2023: số lao động bình quân để tính quỹ lương kế hoạch của người lao động là 287 lao động.

Đơn vị hoàn tất hồ sơ theo thời gian quy định, trình Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh có ý kiến phê duyệt kế hoạch lao động, quỹ tiền lương kế hoạch của

người lao động, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2022, 2023. Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh có thông báo như sau:

- Thông báo số 1016/TB-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh về quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh.

Công ty thực hiện chi tiền lương cho người lao động, người quản lý theo quỹ lương được duyệt.

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, công ty thực hiện mức tạm ứng tiền lương năm 2022, 2023 theo quy định (không vượt 80% Quỹ tiền lương, thù lao tạm tính cho người quản lý, không quá 85% quỹ tiền lương kế hoạch để chi trả cho người lao động).

Đơn vị thực hiện công khai thông tin theo đúng quy định của Nghị định 47/2021/NĐ-CP của Chính phủ; công khai cho người lao động, người quản lý tại Hội nghị đại biểu người lao động, họp đối thoại định kỳ (phân phối tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi).

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2021	KẾ HOẠCH NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Người quản lý	7	7	7	7
II	Tổng nhân viên Văn phòng công ty	30	32	30	28
1	Văn phòng, Nhà SHNN	21	23	22	23
2	Quản lý XDCB	09	09	08	05
III	Tổng Lao động khối Môi trường	245	254	244	259
IV	Tổng lao động Khoán XDCB	77	94	49	70
V	Ban QLVH 30 ha Vĩnh Lộc B	10	10	09	09

1	Quản lý VH 30 ha VLB	10	10	09	09
VI	Tổng (I+II+III)	282	293	281	294
VII	Tổng (IV+V+VI)	369	397	339	373
	Lao động tính lương (II +III)	275	286	274	287

Lao động kế hoạch: 397 người (tổng lao động kể cả lao động trực tiếp xây dựng cơ bản), trong đó có: 286 lao động kế hoạch thuộc lao động công ích.

Lao động thực tế sử dụng bình quân: 339 người (07 người quản lý; 274 lao động thường xuyên và dịch vụ công ích; 09 nhân viên thuộc Ban Quản lý 30 ha Vĩnh Lộc B; 49 lao động bình quân mùa vụ khối xây dựng cơ bản).

Đối với hoạt động công ích: thực hiện đảm bảo tăng năng suất lao động cho người lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động và tránh tình trạng dôi dư lao động, đảm bảo việc làm cho người lao động tại đơn vị.

2. Tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng năm 2022 và kế hoạch năm 2023 đối với người lao động :

2.1 Quỹ tiền lương của người lao động.

Công ty xây dựng bảng lương năm 2020 số 946/DVCI ngày 09/12/2019 về báo cáo và đăng ký bảng lương, chế độ phụ cấp lương, tiêu chuẩn chức danh, công việc và phương án chuyển xếp lương theo Thông tư 17/2015/TT-BLĐTBXH.

Công ty xây dựng bảng lương áp dụng tháng 07 năm 2022 số 457/DVCI ngày 19/07/2022 về báo cáo và đăng ký bảng lương, chế độ phụ cấp lương, tiêu chuẩn chức danh, công việc và phương án chuyển xếp lương.

Năm 2022:

- Doanh thu để xác định quỹ lương kế hoạch của người lao động: 131.151 triệu đồng;
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch là 8.456 ngàn đồng;
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (không bao gồm lương lao động trực tiếp hoạt động xây dựng cơ bản): 29.022 triệu đồng.
- Quỹ lương thực hiện:
 - + Doanh thu để xác định quỹ lương thực hiện của người lao động: 119.534 triệu đồng;
 - + Mức tiền lương bình quân thực hiện là 10.809 ngàn đồng;
 - + Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động (không bao gồm lương lao động trực tiếp hoạt động xây dựng cơ bản): 35.540 triệu đồng.

Năm 2023:

- Doanh thu để xác định quỹ lương kế hoạch của người lao động: 126.094 triệu đồng;
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch là 8.912 ngàn đồng;
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (không bao gồm lương lao động trực tiếp hoạt động xây dựng cơ bản): 30.694 triệu đồng.

Các khoản thưởng, phúc lợi chi cho người lao động công ty thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng, quy chế sử dụng các quỹ tại đơn vị. Việc trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi thực hiện hàng năm.

Thực hiện công khai tiền lương, tiền thưởng của người lao động theo quy định tại Hội nghị đại biểu người lao động hàng năm.

.. 2.2 Quỹ tiền lương, thù lao của người quản lý.

Năm 2022:

- Tiền lương cơ bản bình quân: 21.714 ngàn đồng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý: 20.172 ngàn đồng
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 1.694 triệu đồng (07 người quản lý, tổng thời gian: 84 tháng).
- Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 9,6 triệu đồng (01 người quản lý làm việc không chuyên trách, tỷ lệ thù lao là 4,101% mức tiền lương của Phó Giám đốc: 800 ngàn đồng/tháng, thời gian: 12 tháng).
- Quỹ lương thực hiện:
 - + Tiền lương cơ bản bình quân: 21.714 ngàn đồng.
 - + Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý: 24.207 ngàn đồng
 - + Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 2.033 triệu đồng (07 người quản lý, tổng thời gian: 84 tháng).
 - + Quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách: 11,520 triệu đồng (01 người quản lý làm việc không chuyên trách, tỷ lệ thù lao 4,101% mức tiền lương của Phó Giám đốc: 960 ngàn đồng/tháng, thời gian: 12 tháng).

Năm 2023:

- Tiền lương cơ bản bình quân: 21.714 ngàn đồng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý: 20.011 ngàn đồng
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý: 1.681 triệu đồng (07 người quản lý, tổng thời gian: 84 tháng).
- Quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 9,6 triệu đồng (01 người quản lý làm việc không chuyên trách, tỷ lệ thù lao là 4,134% mức tiền lương của Phó Giám đốc: 800 ngàn đồng/tháng, thời gian: 12 tháng).

Công ty thực hiện trích, chuyển tiền lương, tiền thưởng của kiểm soát viên theo quy định.

Thực hiện công khai tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý theo quy định tại Hội nghị đại biểu người lao động hàng năm.

Các khoản thưởng chỉ cho người quản lý công ty thực hiện theo quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý công ty. Quỹ tiền thưởng được trích hàng năm của người quản lý được thực hiện theo quy định. Phần tiền thưởng còn lại được lập thành quỹ tiền thưởng nhiệm kỳ.

- Việc tạm ứng và chi trả tiền lương người quản lý công ty thực hiện theo Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH;

- Trước ngày 15 hàng tháng, Công ty thực hiện chuyển 80% số tiền lương kế hoạch theo tháng (sau khi trừ các khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản khác theo quy định của pháp luật) về quỹ tiền lương của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quản lý theo quy định để chi trả lương cho Kiểm soát viên công ty.

3. Xây dựng và thực hiện các quy chế, nội quy, thỏa ước lao động tập thể:

a) Công ty đã thực hiện ký kết thỏa ước lao động tập thể vào Hội nghị đại biểu người lao động năm 2022 (Hội nghị được tổ chức vào ngày 18/3/2022); thực hiện đăng ký Thỏa ước lao động tập thể tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Công ty đã xây dựng các quy chế:

Quy chế tuyển dụng, sử dụng người lao động (Quyết định số 96/QĐ-DVCI-HĐTV ngày 27/12/2021 thay thế Quyết định số 49/QĐ-DVCI ngày 29/12/2016 của Công ty)

Quy chế nâng bậc lương (Quyết định số 95/QĐ-DVCI-HĐTV ngày 27/12/2021 thay thế Quyết định số 25/QĐ-DVCI ngày 12/7/2016 của Công ty);

Quy chế tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động của công ty (Quyết định số 75/QĐ-DVCI ngày 20/10/2021 thay thế Quyết định số 23/QĐ-DVCI ngày 27/6/2018 của Công ty);

Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý của công ty (Quyết định số 46/QĐ-DVCI ngày 12/12/2016 của Công ty);

Quy chế quản lý nợ (Quyết định số 100/QĐ-DVCI –HĐTV ngày 30/12/2021 thay thế Quyết định số 05/QĐ-DVCI ngày 25/4/2014 của Công ty);

Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 59/QĐ-DVCI-HĐTV ngày 23/08/2021 thay thế Quyết định số 36/QĐ-DVCI ngày 28/10/2019 của Công ty);

Quy chế thi đua khen thưởng (Quyết định số 90/QĐ-DVCI ngày 24/12/2021 thay thế Quyết định số 30/QĐ-DVCI ngày 23/8/2019 của Công ty);

Quy chế hoạt động công ty (Quyết định số 01/QĐ-DVCI-HĐTV ngày 03/01/2023 thay thế Quyết định số 99/QĐ-DVCI – HĐTV ngày 30/12/2021 của Công ty);

Quy chế quản lý và sử dụng các quỹ (Quyết định số 69/QĐ-DVCI ngày 24/9/2021 thay thế Quyết định số 38/QĐ-DVCI ngày 16/9/2020 của Công ty);

Quyết định về kiện toàn Tổ giám sát nội bộ (Quyết định số 91/QĐ-DVCI thay thế Quyết định số 65/QĐ-DVCI ngày 25/12/2020 của Công ty); và Quyết định số 92/QĐ-DVCI ngày 24/12/2021 về ban hành quy định về giám sát nội bộ.

Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên (Quyết định số 29A/QĐ-DVCI ngày 01/4/2021 của Công ty);

Nội quy lao động (Quyết định số 584/QĐ-DVCI ngày 28/9/2021);

Quy chế Công bố thông tin (Ban hành theo Quyết định số 47/QĐ-DVCI ngày 16/7/2021 thay thế Quyết định số 07/QĐ-DVCI ngày 14/3/2016).

Quy chế làm việc của Hội đồng thành viên số 29A/QĐ-DVCI ngày 01/4/2021 của Hội đồng thành viên Công ty;

Căn cứ Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty đã xây dựng Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc của công ty số 24/QĐ-DVCI ngày 26/3/2021 của Hội đồng thành viên Công ty;

4. Các chế độ khác của người lao động:

Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2022 đầy đủ.

Kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất: năm 2022 không có trường hợp kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất.

An toàn lao động, vệ sinh lao động: công ty đã thực hiện tập huấn an toàn lao động đối với người lao động thuộc công ty.

Bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật: Công ty thực hiện bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật đối với người lao động trực tiếp thuộc Khối Môi trường công ty.

III. Đánh giá

1. Công ty đã thực hiện tốt kế hoạch lao động đã được phê duyệt.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

a) Xu hướng biến động về sản lượng sản xuất (hoặc lượng mua vào) trong kỳ, sản lượng tiêu thụ (hoặc lượng bán ra) trong kỳ:

- Doanh thu hoạt động cung cấp dịch vụ tăng 25,06% (101.771 / 81.379) so với cùng kỳ năm 2021.

- Doanh thu hoạt động xây dựng cơ bản giảm 48,93% (18.935 / 37.080) so với cùng kỳ năm 2021.

- Hàng tồn kho cuối kỳ của một số sản phẩm chủ yếu: Không có

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: 2.371 triệu đồng, do công trình chăm sóc cây xanh trên địa bàn huyện Bình Chánh tháng 12/2022, hoạt động thu gom rác, và các công trình xây dựng đang thi công, chưa nghiệm thu hoàn thành.

b) Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 là 119.534 triệu đồng, đạt 90,45% kế hoạch năm và bằng 100,9% so cùng kỳ năm 2021. Doanh thu năm 2022 tăng so với năm 2021 chủ yếu do trong năm 2022 có ghi nhận doanh thu hoạt động thu gom rác phong tỏa và rác F0 tại nhà năm 2021.

Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2022 là 6.889 triệu đồng, đạt 123,21% kế hoạch năm và bằng 105,71% so cùng kỳ 2021.

c) Tình hình thực hiện sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thực hiện trong năm, trong đó đánh giá kết quả cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên về số lượng và chất lượng, doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến cung cấp sản phẩm dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trong kỳ so với kế hoạch và qua các kỳ:

- Khối lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt vượt kế hoạch đạt 119,37% so với cùng kỳ năm trước.

- Khối lượng quét rác đường công cộng vượt kế hoạch và bằng 97,95% so với cùng kỳ năm trước.

- Xét theo tiêu chí Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh giao tại Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 27/04/2021 thì công ty đảm bảo thực hiện hoàn thành khối lượng, đạt chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích.

3. Tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Người quản lý và người lao động công ty:

a. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh phân phối tiền lương cho người lao động theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH;

b. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh thực hiện trả lương, thù lao cho người quản lý theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 27/2106/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Công ty thực hiện chuyển 80% số tiền lương kế hoạch theo tháng của Kiểm soát viên về cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

c. Tình hình sử dụng lao động mùa vụ và việc đảm bảo chế độ, chính sách đối với lao động mùa vụ theo quy định của pháp luật lao động:

Do đơn vị thực hiện đối với các hoạt động mang tính chất thời vụ, đảm bảo một số việc với thời gian ngắn (các hoạt động xây dựng cơ bản là công trình nhỏ, có thời gian thi công ngắn, không liên tục nên sử dụng lao động thuê ngoài). Đồng thời do đặc thù công việc ngành dịch vụ công ích nên một số lao động ở xa, không tha thiết với nghề, làm việc vụ mùa để dễ ngưng việc khi có nơi làm tốt hơn.

4. Tình hình xây dựng và thực hiện các quy chế, nội quy, thỏa ước lao động tập thể:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh thực hiện xây dựng đầy đủ các quy chế và thực hiện đầy đủ các nội dung trong thỏa ước lao động tập thể.

5. Các chế độ khác của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ chế độ bảo hộ an toàn lao động cho người lao động: Tập huấn về an toàn vệ sinh lao động theo các chuyên đề 1,3,4 cho người lao động Công ty với tổng số lao động được tập huấn là 275 người.

Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2022 đầy đủ đối với lao động thường xuyên công ty.

Công ty thực hiện đồng phục đúng quy định của ngành; mua bảo hiểm tai nạn 24 giờ cho người lao động thường xuyên và mùa vụ; tuyên truyền đầy đủ các chế độ, chính sách và lồng ghép về công tác an toàn vệ sinh lao động, Luật Giao thông đường bộ trong các buổi đối thoại tiếp xúc với người lao động.

Trên đây báo cáo về đánh giá tình hình sử dụng lao động năm 2022 và kế hoạch lao động năm 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích huyện Bình Chánh./.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH;
- UBND huyện Bình Chánh;
- P.LĐTBXH HBC;
- P.TC-KH HBC;
- HĐTV, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên; Kế toán trưởng;
- Lưu VP.



Tên Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
 Tên Công ty: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH

Biểu số 1-KH2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2022 KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2023

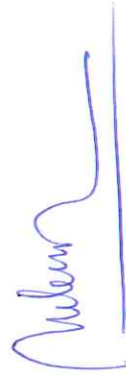
TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm 2022						Kế hoạch sử dụng lao động năm 2023				
		Tổng số lao động kế hoạch 2022	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2022	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân	Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động năm 2023 kế hoạch năm 2023	Trong đó		Số lao động thời việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm 2021 chuyển sang 2022	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động năm 2022 chuyển sang 2023	Số lao động tuyển dụng mới	
1	2	3	$(4)=(5)+(7)-(9)$	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	$(10)=(11)+(12)-(13)$	(11)	(12)	(13)
1	Người quản lý	7	7	7	0	0	7	0	7	7	0	0
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	57	57	55	0	5	56	3	62	57	8	3
3	Lao động trực tiếp SXKD	329	211	212	0	148	272	149	300	211	155	66
4	Lao động thừa hành phục vụ	4	4	4	0	0	4	0	4	4	0	0
	Tổng cộng	397	279	278	0	153	339	152	373	279	163	69

Đơn vị tính: người

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)



Mai Thị Ngọc Diệp

Giám đốc



Nguyễn Duy Tấn

Tên Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Biểu số 2-KH2023

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG.**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo số năm 2022		Kế hoạch năm 2023	So sánh	
			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022		KH2023/TH2022 (%)	KH2023/KH 2022 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5	7=6/4
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:						
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)						
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	132.151	119.534	126.094	105,49%	95,42%
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	95.834	75.060	87.901	117,11%	91,72%
4	Lợi nhuận		5.591	6.889	5.808	84,31%	103,88%
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	8.140	7.163	6.869	95,90%	84,39%
II	TIỀN LƯƠNG:						
1	Lao động kế hoạch (2)	Người	397		373		93,95%
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		339		0,00%	
	Lao động trong danh sách (không tính lao động trực tiếp XDCB) (*)		286	274	287	104,74%	100,35%
	Lao động mùa vụ hoạt động XDCB		94	49	70	142,86%	74,47%
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	6.870	6.718	7.112	105,86%	103,52%
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	8.456		8.912		105,39%
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		10.809			
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	126,98		133,08		104,80%
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		162,31		0,00%	
8	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng					
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	29.022		30.694		105,76%
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		35.540		0,00%	
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	4.314	4.442	4.502	101,35%	104,36%

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Báo cáo số năm 2022		Kế hoạch năm 2023	So sánh	
			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022		KH2023/TH2022 (%)	KH2023/KH 2022 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/5	7=6/4
12	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	10.441	12.790	10.857	84,89%	103,98%

Ghi chú: (1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương).

(*) Tổng số lao động bình quân kế hoạch năm 2023 dùng xác định quỹ lương kế hoạch năm 2023 không bao gồm lao động trực tiếp khối xây dựng cơ bản: 70 người và Ban Quản lý vận hành Khu tái định cư 30 ha Vĩnh Lộc B là 09 người.

(2) Tổng số lao động kế hoạch đã bao gồm 07 người quản lý.

Người lập biểu


Lê Thị Mai Thanh

Bình Chánh, ngày 21 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Duy Tấn

Tên Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
Tên Công ty: Công ty TNHH MTV DVCI huyện Bình Chánh

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỜNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2016/TT-LĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Số TT	Tên công ty	Người quản lý chuyên trách										Người quản lý không chuyên trách																
		Số lượng (người) (1)			Quỹ tiền lương (tr.đồng)			Quỹ tiền thưởng (tr.đồng)			Quỹ thù lao đại diện vốn			Số lượng (người) (2)						Quỹ thù lao (tr.đồng)						Quỹ tiền thưởng (tr.đồng)		
		KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023	KH năm 2022	TH năm 2022	KH năm 2023			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22							
1	Công ty TNHH MTV DVCI.H.BC	7	7	7	1.694	2.033	1.681	212	254	210				1	1	1	9,60	11,52	9,60	0	0	0						
	Tổng cộng	7	7	7	1.694	2.033	1.681	212	254	210	0	0	1	1	1	1	9,60	11,52	9,60	0	0	0						

Ghi chú: (1) Tính bình quân theo số lượng người quản lý chuyên trách (bao gồm cả Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên chuyên trách) trong năm.

(2) Tính bình quân theo số lượng người quản lý không chuyên trách (bao gồm cả Kiểm soát viên không chuyên trách) trong năm.

Người lập biểu



Lê Thị Mai Thanh

Bình Chánh, ngày 21 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Nguyễn Duy Tấn

BÁO CÁO

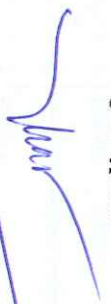
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG BÌNH QUÂN (1) NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Tiền lương			Tiền thưởng (3)			Thù lao (4)			Thu nhập (5)		
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	LÝ MINH SON	Chủ tịch HĐQT		278,694	334,430	276,469	33,824	40,551	33,520				312,518	374,981	309,989
2	TRỊNH THỊ MỸ NGÀ	Thành viên HĐQT	Chuyên trách	234,103	280,920	232,234	30,286	36,310	30,010				264,389	317,230	262,244
3	NGUYỄN DUY TÂN	Giám Đốc		267,546	321,050	265,411	32,055	38,430	31,760	9,600	11,520	9,600	309,201	371,000	306,771
4	PHẠM QUANG VINH	Phó Giám Đốc		234,103	280,920	232,234	30,286	36,310	30,010				264,389	317,230	262,244
5	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Phó Giám Đốc		234,103	280,920	232,234	28,517	34,189	28,260				262,620	315,109	260,494
6	KIỀU LIÊN NHANH	Kế toán trưởng		211,807	254,160	210,117	28,517	34,189	28,260				240,324	288,349	238,377
8	HUYỀN THỊ NGỌC BÍCH	Kiểm soát viên		234,103	280,920	232,234	28,517	34,189	28,260				262,620	315,109	260,494
	TỔNG			1.694,460	2.033,320	1.680,934	212,000	254,168	210,080	9,600	11,520	9,600	1.916,060	2.299,008	1.900,614
	BÌNH QUÂN			20,172	24,206	20,011	2,524	3,026	2,501	0,800	0,960	0,800	22,810	27,369	22,626

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Tiền lương, tiền thưởng, thù lao, thu nhập (tr đồng/năm)									
				Tiền lương			Tiền thưởng (3)			Thù lao (4)		Thu nhập (5)	
				Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2022

Ghi chú: (1) tiền lương, thù lao, tiền thưởng được tính bình quân theo tháng và được lấy theo số báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo quyết toán thuế hàng năm

- (2) Chuyên trách/ không chuyên trách tại Tập đoàn, tổng công ty, công ty.
- (3) Tiền thưởng từ nguồn của Tập đoàn, tổng công ty, công ty và từ khoản tiền thưởng do được cử đại diện vốn ở doanh nghiệp khác nộp về.
- (4) Thù lao từ Tập đoàn, tổng công ty, công ty và từ khoản thù lao do được cử đại diện vốn ở doanh nghiệp khác nộp về.
- (5) Gồm tiền lương, tiền thưởng, thù lao.

Người lập biểu

 Lê Thị Mai Thanh

Ban Giám đốc
 9/ tháng 3 năm 2023
 Giám đốc

 Nguyễn Duy Tân